

**TÁC ĐỘNG CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO
VIỆT NAM - EU (EVFTA) ĐỐI VỚI NGÀNH XUẤT KHẨU
DỆT MAY Ở TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*TRẦN VIỆT LONG**

*MAI XUÂN HỘI***

*VÕ THỊ NHÀN****

Ngày nhận bài: 02/12/2018

Ngày phản biện: 12/12/2018

Ngày đăng bài: 25/12/2018

Tóm tắt:

Trong những năm qua, ngành Dệt may là “điểm sáng” trong bức tranh xuất khẩu của Việt Nam, đóng vai trò then chốt trong chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu. Với tỉnh Thừa Thiên Huế, ngành dệt may đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh. Đó không chỉ là ngành xuất khẩu chủ lực mà còn tạo ra việc làm, xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và thúc đẩy quá trình chuyển dịch kinh tế của tỉnh. Với tiềm năng sẵn có, việc Việt Nam ký kết và thực thi EVFTA góp phần đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, phát triển ngành công nghiệp thời trang và công nghiệp hỗ trợ Dệt may trên địa bàn Tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế, việc thực thi EVFTA đặt ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế trước những thách thức không nhỏ, xuất phát từ quy mô doanh nghiệp nhỏ, tiềm lực tài chính yếu, thông tin về thị trường xuất nhập khẩu các nước trong

Abstract:

In the past years, the textile and garment industry has been the "bright spot" in the export picture of Vietnam, playing a key role in the export-oriented industrialization strategy. With Thua Thien Hue province, the textile and garment sector plays an important role in the provincial socio-economic development. It is not only a major export industry but also creates employment, poverty reduction, social security and accelerates the economic transition of the province. With the potential available, Vietnam's signing and implementation of EVFTA contribute to promote export activities, develop the fashion industry and support textile and garment industry in the province.

However, besides the advantages, the implementation of EVFTA sets the textile and garment industry in Thua Thien Hue province to face a number of challenges,

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: vietlong1968@gmail.com

** ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: hoilu09@gmail.com

*** Cựu sinh viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

khối TPP còn hạn chế... Do đó, bài viết về những tác động của Hiệp định EVFTA đối với ngành xuất khẩu dệt may ở tỉnh Thừa Thiên Huế với mục tiêu đánh giá một cách toàn diện, có chiều sâu những tác động của việc thực thi EVFTA đối với ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể giúp các doanh nghiệp dệt may địa phương nhận thức và khai thác hiệu quả các ưu đãi thương mại đối với ngành Dệt may mà EVFTA mang lại.

Từ khóa:

Hiệp định, tự do, dệt may, xuất khẩu, hải quan, Thừa Thiên Huế.

stemming from the small size of enterprises, weak financial strength, information on export markets of TPP countries is limited... Therefore, the article on the effects of the EVFTA agreement on the textile and garment export industry in Thua Thien Hue province aims to comprehensively assess the impact of EVFTA implementation on the textile industry. We will propose specific measures to help local garment enterprises recognize and exploit trade preferences for the textile and garment industry which EVFTA has provided.

Key words:

Agreement, freedom, textile, export, customs, Thua Thien Hue.

1. Khái quát về EVFTA và những cam kết đối với ngành Dệt may

Thứ nhất, quy định và những cam kết về thuế quan. Những quy định về thuế quan được EVFTA diễn đạt tại Chương 2, bao gồm các cam kết liên quan tới việc mở cửa thị trường của Việt Nam cho hàng hóa EU và ngược lại. Chương này quy định những cam kết cụ thể gồm việc loại bỏ thuế quan theo từng dòng thuế, với lộ trình cụ thể theo từng năm tính từ thời điểm EVFTA có hiệu lực; và các vấn đề liên quan tới việc xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU. EVFTA quy định những cam kết về thuế quan bao gồm 02 nhóm: (i) Cam kết về thuế nhập khẩu; (ii) Cam kết về thuế xuất khẩu (trong phạm vi nghiên cứu này, bài viết tập làm rõ những tác động của các cam kết về thuế nhập khẩu).

Theo quy định của EVFTA, đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, ngay khi Hiệp định có hiệu lực, EU xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với khoảng 85,6% số dòng thuế, tương đương 70,3% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU. Sau 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực, EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với 99,2% số dòng thuế, tương đương 99,7% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đối với khoảng 0,3% kim ngạch xuất khẩu còn lại, EU cam kết dành cho Việt Nam hạn ngạch thuế quan với thuế nhập khẩu trong hạn ngạch là 0%. Đối với nhóm hàng quan trọng như Dệt may, EU cam kết sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu cho các sản phẩm của Việt Nam trong vòng 7 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

Thứ hai, quy định về quy tắc xuất xứ. Quy tắc xuất xứ được EVFTA quy định tại Điều

38 Chương 4, gồm các cam kết về vấn đề quy tắc xuất xứ hàng hóa của EVFTA, là điều kiện cơ bản để hàng hóa có thể được hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA¹. Các quy định này của EVFTA rất chặt chẽ. Vì vậy, doanh nghiệp Việt Nam cần nắm chắc quy định đối với từng mặt hàng và lộ trình giảm thuế trong hiệp định. Để vào được EU, các mặt hàng dệt may của Việt Nam phải đảm bảo quy chế chuyển đổi nguồn gốc xuất xứ kép. Cụ thể, để một mặt hàng dệt may Việt Nam được hưởng ưu đãi thuế quan thì ít nhất hàng hóa đó phải được sản xuất tại Việt Nam (vải phải được sản xuất tại Việt Nam và khâu cắt may cũng tại Việt Nam).

Thứ ba, quy định về hải quan. Quy định về Hải quan và tạo thuận lợi trong thương mại được đề cập trong chương 5 của Hiệp định EVFTA, bao gồm các cam kết về các biện pháp quản lý đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển giữa Việt Nam và EU. Các cam kết này ảnh hưởng trực tiếp tới các thủ tục hải quan và các thủ tục kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu.

Thứ tư, các cam kết về minh bạch, hỗ trợ doanh nghiệp. Các cam kết trong EVFTA về minh bạch và hỗ trợ doanh nghiệp thực chất đều là các vấn đề Việt Nam đang triển khai như: Cam kết công khai các văn bản, quy định, thủ tục, thông tin hành chính về hải quan và các biện pháp quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu; Cam kết duy trì cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện các quyết định hành chính trong thủ tục hải quan cho doanh nghiệp khi họ không đồng ý với các quyết định này; cam kết thiết lập và vận hành điểm giải đáp thông tin, trả lời thắc mắc cho doanh nghiệp; cam kết có tham vấn định kỳ với đại diện doanh nghiệp về các vấn đề thực tiễn phát sinh, tham vấn về các thủ tục, văn bản pháp luật dự kiến ban hành².

Thứ năm, quy định về bảo vệ môi trường. Các cam kết và nghĩa vụ về môi trường của Hiệp định EVFTA được chia làm 5 nhóm: (1) Chính sách và các quy định pháp luật môi trường trong nước; (2) Cam kết quốc tế về môi trường; (3) Công khai, minh bạch; (4) Nghĩa vụ đối với một số lĩnh vực cụ thể về môi trường; và (5) Cơ chế tham vấn, giải quyết tranh chấp. Để thực thi những cam kết này, Việt Nam và EU thỏa thuận tăng cường thực thi các Hiệp định về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) và Hiệp định về các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch (SPS) của WTO.

Thứ sáu, quy định về chính sách cạnh tranh. Trong EVFTA, Việt Nam và EU cam kết duy trì hệ thống pháp luật cạnh tranh nhằm xử lý các hành vi hạn chế cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng và thị trường đáp ứng các yêu cầu sau đây: Các hành vi hạn chế cạnh tranh

¹ Cụ thể, Chương này bao gồm 02 nhóm nội dung: (i) Các cam kết về điều kiện xuất xứ (chia thành 02 nhóm nhỏ hơn, bao gồm các nguyên tắc chung về xuất xứ, áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa và các nguyên tắc xác định xuất xứ riêng, áp dụng cho từng loại hàng hóa); (ii) Các cam kết về thủ tục chứng nhận xuất xứ (phương pháp thủ tục hành chính). Ngoài ra, EVFTA cũng dành riêng một số quy định cụ thể đối với mặt hàng dệt may như về quy tắc xuất xứ phổ biến đối với sản phẩm dệt may trong EVFTA là tiêu chí hai công đoạn, hay còn gọi là “*từ vải trở đi*”. Cụ thể, để sản phẩm dệt may được coi là có xuất xứ theo EVFTA thì vải sử dụng để tạo thành sản phẩm phải có xuất xứ Việt Nam/EU và việc cắt, may phải được thực hiện tại Việt Nam/EU.

² http://www.trungtamwto.vn/sites/default/files/chuong_5_evfta.pdf

phải ít nhất bao gồm thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường và tập trung kinh tế gây hệ quả hạn chế cạnh tranh; các chủ thể thực thi pháp luật cạnh tranh phải có đủ công cụ và thẩm quyền để xử lý hiệu quả các hành vi hạn chế cạnh tranh; tất cả các doanh nghiệp không phân biệt vốn Nhà nước hay tư nhân đều phải tuân thủ pháp luật cạnh tranh; pháp luật cạnh tranh phải được áp dụng một cách minh bạch và không phân biệt đối xử. Tuy nhiên, EVFTA vẫn ghi nhận quyền tự chủ của mỗi bên trong việc xây dựng và thi hành pháp luật về cạnh tranh.

Ngoài ra, EVFTA cũng dành một số nội dung quy định về vấn đề trợ cấp. Các cam kết về trợ cấp được quy định tại Chương 11, đây là quy định khá đặc thù, khác với tất cả các FTA mà Việt Nam đã đàm phán/ký kết. Nếu như trong các FTA khác các vấn đề về trợ cấp, nếu có, gần như chỉ áp dụng theo các nguyên tắc của WTO và gắn với các cam kết về kiện phòng vệ thương mại (kiện chống trợ cấp) thì trong EVFTA đây là cam kết tương đối độc lập, chỉ tập trung vào các vấn đề trợ cấp theo thỏa thuận của hai bên, bao gồm các cam kết về nguyên tắc và các cam kết về cụ thể về những vấn đề liên quan. Các cam kết này sẽ được rà soát lại sau 05 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực.

2. Tác động của EVFTA đối với hoạt động xuất khẩu Dệt may của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Trong những năm qua, ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao (tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2016 đạt 18,1%) và là ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Đến năm 2016, ngành dệt may chiếm 45,7% tỷ trọng công nghiệp và giải quyết việc làm cho hơn 29.000 lao động, góp phần quan trọng thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội địa phương³. Đặc biệt, riêng kim ngạch xuất khẩu của ngành Dệt may năm 2016 là 582,58 triệu USD đến năm 2017 đạt 647 triệu USD⁴. Trong đó, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản là ba đối tác nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất của Việt Nam cũng như tỉnh Thừa Thiên Huế trong những năm trở lại đây.

EVFTA có hiệu lực sẽ giúp giảm mức thuế hiện tại mà EU áp dụng đối với hàng may mặc Việt Nam từ 11,6% xuống 0%. Cụ thể, 5 mặt hàng may mặc xuất khẩu nhiều nhất sẽ được hưởng lợi là com-lê nữ, nam; áo khoác nam, nữ và hàng dệt kim. Đồng thời, giá trị xuất khẩu dệt may của Việt Nam vào EU tăng trưởng trung bình 3 - 3,5 tỷ USD.

Như vậy, từ năm 2011 - 2017, kim ngạch xuất khẩu ngành Dệt may của tỉnh với EU đều gia tăng vững chắc, trong đó xuất khẩu sang EU gia tăng mạnh mẽ và góp phần làm thặng dư thương mại của Việt Nam. EU vẫn giữ vững là đối tác thương mại lớn, quan trọng của Việt Nam và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Năm 2016, EU là đối tác xuất khẩu lớn thứ hai của ngành Dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế.

³ Nguồn: Số liệu từ Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁴ Nguồn: Số liệu từ Sở Công thương tỉnh Thừa Thiên Huế.

Với bối cảnh mới, sự thay đổi trong chiến lược phát triển và chính sách thương mại từ phía Việt Nam và EU, đặc biệt khi EVFTA sẽ có hiệu lực thì tiềm năng gia tăng thương mại giữa Việt Nam và EU trong tương lai rất lớn. Tuy nhiên, cũng có những tác động ảnh hưởng, doanh nghiệp cần nhận diện để phòng tránh hiệu quả, cụ thể:

Thứ nhất, rào cản gia nhập ngành của doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế khi hội nhập kinh tế quốc tế. Tác động này được thể hiện qua những nội dung:

Một là, tính kinh tế theo quy mô: Hầu hết các doanh nghiệp ngành Dệt may Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng là doanh nghiệp may, khi quy mô tăng không chỉ chi phí cố định giảm, chi phí lưu động cũng giảm do công ty có thể mua nguyên vật liệu với mức giá thấp hơn (đơn hàng lớn) và chi phí nhân công giảm.

Hai là, chính sách hạn chế của Chính phủ: Chính phủ Việt Nam đang khuyến khích nguồn vốn đầu tư vào ngành dệt may. Tuy nhiên, rào cản từ chính sách đối với các doanh nghiệp nhuộm lớn do các vấn đề về môi trường.

Ba là, yêu cầu về vốn đầu tư: Hoạt động chủ yếu của các công ty dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế là sản xuất gia công nên yêu cầu đầu tư vào tài sản cố định tương đối lớn. Tuy nhiên, quy mô theo vốn hoạt động của Doanh nghiệp Dệt may Huế chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ⁵, đang gặp khó khăn và vướng mắc trong sản xuất kinh doanh. Điển hình là khả năng tiếp cận vốn vay cũng như nguồn vốn đầu tư còn hạn chế, mới chủ yếu sử dụng vốn vay từ các tổ chức tín dụng, mặc dù lãi suất đã giảm nhưng khả năng giải ngân vốn của các ngân hàng chưa cao. Một số Doanh nghiệp chưa chủ động xây dựng phương án, dự án vay hay mục đích sử dụng vốn vay chưa hợp lệ, không có tài sản bảo đảm hoặc có tài sản bảo đảm nhưng không đủ cho khoản vay.

Bốn là, yêu cầu về công nghệ, kĩ thuật: Yêu cầu về công nghệ với hoạt động may không cao như đối với hoạt động nhuộm và dệt. Tuy nhiên, hiện các doanh nghiệp may đang chiếm đa số. Máy móc thiết bị phần lớn là cũ, thiết bị đã sử dụng trên 20 năm, mất tính năng vận hành tự động nên năng suất thấp, ảnh hưởng một phần đến tiến độ hoạt động.

Năm là, yêu cầu về chất lượng lao động: Ngoài thuận lợi về nguồn lao động dồi dào, nhưng ngành Dệt may Việt Nam lại thiếu hụt nguồn nhân lực có kỹ năng và đội ngũ nhân sự lành nghề về kỹ thuật trong lĩnh vực dệt, nhuộm. Hơn nữa, chi phí lao động rẻ nhưng chi phí bình quân cho 1 đơn vị sản phẩm vẫn cao hơn của Ấn Độ, Trung Quốc, Indonexia tới 30% - 40%. Năng suất lao động nước ta thấp và chỉ bằng 2/3 so với các nước trong khu vực. Do vậy, các doanh nghiệp cần nâng cao năng suất lao động hơn nữa để hạ giá thành sản phẩm.

Thứ hai, rào cản đối với cam kết pháp lý trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) là thành viên trong hội nhập kinh tế.

⁵ Theo số liệu thống kê từ Cục Thống kê tỉnh Thừa Thiên Huế, hiện tại tỷ lệ % quy mô doanh nghiệp hoạt động theo vốn là: Dưới 1 tỷ (27%); từ 1 tỷ đến dưới 5 tỷ (30%); từ 5 tỷ đến dưới 10 tỷ (4%); từ 10 tỷ đến dưới 50 tỷ (6%); trên 50 tỷ (33%).

Một là, rào cản về quy tắc xuất xứ. EVFTA có hiệu lực sẽ tạo điều kiện tốt hơn cho doanh nghiệp mở rộng thị trường nhờ các chính sách ưu đãi về thuế, tuy nhiên quy tắc xuất xứ đang là trở ngại lớn nhất cho hàng dệt may vào thị trường này khi EVFTA có hiệu lực. Vì để đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ theo EVFTA, các sản phẩm xuất khẩu từ EU phải đáp ứng yêu cầu vải sản xuất tại Việt Nam hoặc từ EU, hoặc từ một nước thứ 3 có đã có FTA với Việt Nam và EU. Tỷ lệ tận dụng quy tắc xuất xứ cộng gộp song phương (nhập vải từ EU về sản xuất rồi xuất khẩu thành phẩm sang EU) rất ít vì vải của EU rất đắt và chi phí vận chuyển cao, hơn nữa Dệt may Việt Nam nhập khẩu phần lớn nguyên liệu từ nước ngoài, trong đó 39,34% là từ Trung Quốc. Riêng với nhập khẩu vải, ngành hiện phải nhập khẩu 86% nhu cầu sản xuất, trong đó hầu từ Trung Quốc chiếm tới 46%. Thời gian qua, Việt Nam đã ký kết nhiều FTA với ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản với quy tắc xuất xứ từ vải trở đi, tuy nhiên khả năng sử dụng quy tắc xuất xứ của Việt Nam còn rất hạn chế. Nếu không đảm bảo được quy tắc xuất xứ, hàng xuất khẩu của Việt Nam sang EU chỉ được hưởng mức thuế đãi ngộ tối huệ quốc chứ không phải là mức thuế suất 0% trong EVFTA. Vậy nên, với những đòi hỏi khắt khe về quy tắc xuất xứ trong hiệp định EVFTA khiến những lợi ích từ việc cắt giảm thuế nguy cơ chỉ có thể ở trên giấy tờ.

Hai là, rào cản về chính sách cạnh tranh. Việc cam kết tuân thủ quy tắc trong EVFTA là trở ngại lớn để hàng xuất khẩu được hưởng ưu đãi thuế tại thị trường này. EU là thị trường nhập khẩu hàng dệt may lớn nhất thế giới và là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của hàng Dệt may Việt Nam (sau Mỹ) nhưng tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may vào EU cũng như tỷ trọng hàng dệt may nhập khẩu vào EU cũng còn nhỏ, điều này thể hiện năng lực cạnh tranh của hàng dệt may Việt Nam còn có vấn đề. Việc đàm phán và ký kết EVFTA là nhằm tạo thêm điều kiện giúp Doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh vào thị trường này. Trong những năm trở lại đây, việc xuất khẩu hàng dệt may vào EU còn gặp nhiều khó khăn do thị trường EU là thị trường “khó tính”, số lượng đơn hàng nhỏ, không quy mô như Hoa Kỳ. Bên cạnh đó, các nhà nhập khẩu có xu hướng mua sản phẩm trọn gói thay vì đặt gia công nên phần lớn các Doanh nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế chưa có sức cạnh tranh.

Ba là, rào cản về bảo vệ môi trường. Đến nay, Việt Nam đã có các quy định pháp lý khá đầy đủ về các tiêu chuẩn vệ sinh và kỹ thuật để bảo vệ sức khỏe con người, nhưng những tiêu chuẩn này không cao bằng các tiêu chuẩn của EU. Trong một số ngành xuất khẩu chủ lực như dệt may, các nhà sản xuất của Việt Nam đã đáp ứng các tiêu chuẩn về SPS và TBT của EU. Tuy nhiên, vẫn có những trường hợp vi phạm các quy định này và nhiều lô hàng của Việt Nam đã bị từ chối khi xuất khẩu vào EU. Do đó, có thể thấy rõ là mức độ sẵn sàng của Việt Nam vẫn còn hạn chế. Điều này sẽ tạo ra thách thức lớn cho các doanh nghiệp nếu muốn khai thác thị trường EU khi EVFTA có hiệu lực.

Bốn là, rào cản về hải quan. Rà soát pháp luật Việt Nam về quản lý chuyên ngành với các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại cho thấy trong tổng thể pháp

luật Việt Nam đa số đã tương thích với yêu cầu của EVFTA. Tuy nhiên, trong so sánh với pháp luật hải quan chung, tỷ lệ các cam kết EVFTA mà pháp luật Việt Nam về quản lý chuyên ngành chưa tương thích hoàn toàn hoặc một phần là rất cao. Cụ thể như quy định về cam kết về đơn giản hóa thủ tục, về nguyên tắc quản lý rủi ro, về kiểm tra sau thông quan, cam kết một chứng từ hành chính. Điều này đồng nghĩa với việc các thủ tục cốt lõi trong quản lý chuyên ngành Việt Nam hiện đang chưa theo các thông lệ tiêu chuẩn quốc tế hiện đại được phản ánh, ghi nhận trong EVFTA (tương tự trong CPTPP và Hiệp định TFA của WTO).

3. Đề xuất giải pháp thúc đẩy hiệu quả hoạt động xuất khẩu Dệt may của doanh nghiệp ở tỉnh Thừa Thiên Huế khi thực thi EVFTA

Nhằm phát huy những lợi thế, đồng thời phòng tránh những tác động ảnh hưởng khi thực thi EVFTA, cần phải có những giải pháp đồng bộ từ chính sách pháp luật cho đến cơ chế thực thi, từ Chính phủ cho tới từng doanh nghiệp phải nhận thức và hành động để thực hiện đúng những cam kết đã đặt ra. Trong phạm vi phân tích những tác động ảnh hưởng của EVFTA đối với doanh nghiệp xuất khẩu Dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, bài viết đề xuất một số giải pháp sau:

Thứ nhất, giải pháp về hệ thống pháp luật và chính sách: (i) Luật hóa các quy định liên quan đến đầu tư. Để thực thi EVFTA và các hiệp định khác tác động trực tiếp phải hướng đến việc cải thiện sự thuận lợi cho nhà đầu tư. Cụ thể, từ việc rà soát cũng cho thấy một số cam kết của EVFTA không tương thích hoặc chỉ tương thích một phần với khung khổ pháp lý của Việt Nam. Định nghĩa “khoản đầu tư” trong EVFTA là khái niệm mở và dựa trên tài sản chứ không phải dựa trên doanh nghiệp như trong Luật Đầu tư của Việt Nam. Việc kết hợp khái niệm về đầu tư trong Luật Đầu tư và khái niệm tài sản trong Luật Dân sự có thể phản ánh đủ định nghĩa về “đầu tư” trong EVFTA. Do tầm quan trọng của định nghĩa này và những hậu quả do sự khác biệt gây ra, điều này cần được làm rõ trong văn bản ban hành cho việc thực hiện EVFTA nếu được phê chuẩn. Qua đây, cần xem xét và rà soát chặt chẽ các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư; thúc đẩy việc phổ biến, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư và các cơ quan nhà nước để đảm bảo thực hiện đầy đủ, phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp; (ii) Xây dựng chính sách hỗ trợ cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Hỗ trợ doanh nghiệp thâm nhập và mở rộng thị trường mới thông qua các kênh hợp tác kinh tế, thương mại và xúc tiến đầu tư, bao gồm hỗ trợ, giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong các thị trường xuất khẩu; (iii) Hải hòa hóa khung khổ pháp lý về kinh doanh, không phân biệt hình thức sở hữu của doanh nghiệp. Trước mắt cần đánh giá hiệu quả của việc thay đổi định nghĩa về DNNN để có những sửa đổi cần thiết và kịp thời; (iv) Cải cách các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải quan, xuất nhập khẩu theo hướng thực hiện cơ chế một dấu, một cửa, đơn giản hoá các thủ tục nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhanh chóng và dễ dàng xuất khẩu hàng may mặc sang thị trường EU; (v) Xây dựng kế hoạch để thu hút đầu tư

và hướng dẫn thực hiện hiệu quả các chính sách để thu hút có chọn lọc đầu tư chất lượng cao, tập trung vào các ngành công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại và các dự án có sản xuất quy mô lớn; (vi) Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế giải quyết tranh chấp giữa Nhà nước và nhà đầu tư theo hướng thủ tục tranh chấp công khai, minh bạch và tạo cơ chế để công nhận và bảo đảm thi hành các phán quyết của tòa án, trọng tài nước ngoài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong đầu tư và các hoạt động kinh doanh.

Thứ hai, về phía doanh nghiệp, phải nâng cao nhận thức và năng lực tự hành động, cụ thể: (i) Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động cập nhật thông tin về các cơ hội thị trường mà EVFTA mang lại, đặc biệt là thông tin về ưu đãi thuế liên quan đến hàm lượng giá trị gia tăng nội địa của các hàng hóa, dịch vụ và các hàng rào kỹ thuật khác. Từ đó, đóng góp ý kiến trong quá trình đàm phán Hiệp định EVFTA để đảm bảo được lợi ích chính đáng; (ii) doanh nghiệp phải nỗ lực đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua đổi mới trang thiết bị kỹ thuật, nâng cao chất lượng lao động, xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh... để khẳng định vị trí trên “sân nhà” và tận dụng các cơ hội vươn ra thị trường EU; (iii) Các doanh nghiệp cần phải liên kết với nhau đầu tư hoặc thu hút đầu tư nước ngoài vào khâu nguyên liệu (ngành dệt may cần khẩn trương triển khai dự án trồng bông vải theo mô hình trang trại thay thế phương thức trồng bông phân tán trong các hộ dân để nguồn nguyên liệu được sản xuất và cung ứng ổn định), cơ cấu lại ngành dệt may, các doanh nghiệp cần đoàn kết, sẵn sàng chia sẻ thông tin để vượt qua khó khăn và cùng phát triển; (iv) Doanh nghiệp dệt may của tỉnh cần từng bước chuyển dần từ gia công sang hình thức FOB (tự chủ nguyên phụ liệu), ODM (tự thiết kế, sản xuất), OBM (làm tất cả các khâu sản xuất ra thành phẩm và tự phân phối) và hạn chế việc xuất khẩu *qua khâu trung gian*; (v) Doanh nghiệp cần nắm vững các quy định đối với sản phẩm dệt may nhập khẩu. Khi xuất khẩu sản phẩm dệt may sang thị trường nước ngoài, các doanh nghiệp cần tìm hiểu rõ những yêu cầu về tiếp cận thị trường của các đối tác thương mại. Những yêu cầu thường là về luật pháp, nhãn mác, ký mã hiệu và hệ thống quản lý, nhằm mục tiêu đảm bảo vệ sinh, an toàn cho người tiêu dùng, an toàn cho môi trường tự nhiên và xã hội.

Thứ ba, về phía Hiệp hội ngành nghề: (i) Hiệp hội dệt may Việt Nam cần tích cực tuyên truyền cung cấp thông tin về thị trường để các Doanh nghiệp chuẩn bị; (ii) Các hiệp hội nghề nghiệp cần thường xuyên tổ chức hội nghị, hội thảo để tạo sự gắn kết, hiểu biết và hỗ trợ lẫn nhau, các thông tin về đối tác nhập khẩu cần được chia sẻ rộng rãi cho các doanh nghiệp để cùng nhau khai thác tốt nhất những lợi thế, đồng thời hạn chế tác động tiêu cực từ phía thị trường. Đối với các hàng rào phi thuế quan, hiệp hội nghề nghiệp cần nghiên cứu kỹ các yêu cầu về vệ sinh dịch tễ, kiểm dịch, bao bì, đóng gói, các khâu thông quan, các biện pháp tự vệ của các quốc gia/khu vực xuất khẩu chính. Ngoài ra, các hiệp hội cần có các kiến nghị, đề xuất với các cơ quan nhà nước để kịp thời tháo gỡ khó khăn về hành lang pháp lý cũng như môi trường kinh doanh; (iii) Các hội và hiệp hội doanh nghiệp tích cực kết nối doanh nghiệp

với doanh nghiệp để chia sẻ đơn hàng, kết nối doanh nghiệp với nhà tư vấn để phát triển công nghệ, kết nối doanh nghiệp với trường dạy nghề để phát triển nguồn nhân lực.

4. Kết luận

Quy định về các vấn đề pháp lý trong Hiệp định thương mại EVFTA đã tác động có tính dự báo đối với ngành dệt may Việt Nam nói chung và dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Trong quá trình EVFTA có hiệu lực và vận hành, cần có những quy định pháp luật tương thích, chính sách phù hợp để thúc đẩy thương mại phát triển, đặc biệt là thương mại đối với ngành dệt may.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Phương Dung (2017), *Dệt may Việt Nam với quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại tự do EU - Việt Nam (EVFTA)*. Hội thảo do Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) phối hợp với Dự án EU - MUTRAP tổ chức ngày 20/4/2017, tại thành phố Hồ Chí Minh).
2. Đinh Công Khải (2013), *Nâng cao vị thế ngành dệt may Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu*, Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Hà Văn Hội (2012), *Phân tích chuỗi giá trị xuất khẩu dệt may Việt Nam*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và Kinh doanh.
4. Nguyễn Đình Cung và Trần Toàn Thắng (2017), *Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU: tác động thể chế và điều chỉnh chính sách ở Việt Nam*, Báo cáo nghiên cứu của CIEM, Nxb Thế giới.
5. Nguyễn Tuấn (2016), *Thừa Thiên Huế: Gỡ khó cho doanh nghiệp dệt may*, Báo Công thương điện tử.
6. Trương Văn Cẩm (2017), *Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA): cơ hội và thách thức đối với xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam*. Hội thảo do Hiệp hội Dệt may Việt Nam (Vitas) phối hợp với Dự án EU - MUTRAP tổ chức tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ngày 24/4 và 25/4/2017.